

QUYÊN VỞ AI CŨNG MUỐN MUỘN



**EVERYTHING YOU NEED TO ACE ENGLISH LANGUAGE ARTS IN ONE
BIG FAT NOTEBOOK: The Complete Middle School Study Guide**

Copyright © 2016 by Workman Publishing

Published by arrangement with Workman Publishing Co., New York.

EVERYTHING YOU NEED TO ACE ENGLISH LANGUAGE ARTS

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Alpha, 2019

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay
phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự
cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Alpha.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị
độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch:

publication@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác về nội dung số: ebook@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách:

project@alphabooks.vn

Liên hệ dịch vụ tư vấn, đại diện & giao dịch bản quyền:

copyright@alphabooks.vn

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Everything you need to ace English language arts - Quyền vớ ai cũng
muốn mượn : Hướng dẫn học toàn diện cho bậc trung học cơ sở / Brain
Quest ; Trần Hồng Lê dịch. - H. : Dân trí ; Công ty Sách Alpha, 2020. -
500tr. ; 21cm

ISBN 9786048899684

1. Tiếng Anh 2. Ngữ pháp 3. Trung học cơ sở
428.20712 - dc23

DTM0252p-CIP

HƯỚNG DẪN HỌC TOÀN DIỆN CHO BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ

EVERYTHING
YOU NEED TO ACE
ENGLISH
LANGUAGE ARTS



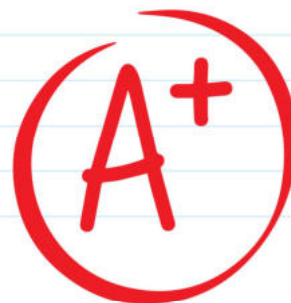
**QUYÊN VỞ AI CŨNG
MUỐN MƯỢN**

Trần Hồng Lê dịch

alphabooks®

gamma
bridging languages

NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ



EVERYTHING YOU NEED TO KNOW TO ACE

ENGLISH LANGUAGE ARTS

XIN CHÀO!

Đây là những ghi chép trong vở Anh văn của tớ. À quên, tớ là ai ư? Mọi người gọi tớ là học sinh xuất sắc nhất lớp đây.

Tớ viết lại mọi kiến thức mà chúng mình cần biết để học giỏi môn **Anh văn**, từ các **GỐC TỪ HY LẠP** cho đến **CÁCH VIẾT**

VĂN HƯ CẤU, và còn cả những thứ cực kỳ quan

trọng khác – bạn biết mà, những thứ bọn mình thường gặp trong bài kiểm tra ấy!



Tớ cố sắp xếp mọi thứ thật rõ ràng, dễ hiểu, thế nên tớ luôn:

- Highlight từ vựng bằng **MÀU VÀNG**.
- Tô các định nghĩa bằng bút **đánh dấu màu xanh lá**.
- Dùng **BÚT MỤC XANH** để ghi những nhân vật, sự kiện, ngày tháng và thuật ngữ quan trọng.
- Vẽ nguệch ngoạc hình cô bé Alice xinh xắn và đủ thứ linh tinh khác để thể hiện bằng hình ảnh những ý quan trọng.



Nếu bạn không thích gì sách giáo khoa của mình và cũng chẳng giỏi ghi chép bài trên lớp thì cuốn vở này sẽ **ZZZ...WHAT?** giúp bạn. Nó ghi lại mọi ý chính quan trọng. (Nhưng nếu giáo viên của bạn dành cả tiết học để nói về những nội dung không có trong cuốn vở này thì bạn hãy tự ghi chép lại nhé).



Tớ đã chinh phục được môn Anh văn rồi, cuốn vở này giờ là **CỦA BẠN**. Tớ đã học xong, thế nên mục đích của cuốn vở này là để giúp **BẠN** học và nhớ những gì cần thiết để chinh phục môn Anh văn trên lớp.



CONTENTS

UNIT 1: GRAMMAR - NGỮ PHÁP

1. Phrases and Clauses - Cụm từ & Mệnh đề 12
2. Subjective, Objective, and Possessive Pronouns
Đại từ nhân xưng chủ ngữ, Đại từ nhân xưng tân ngữ
và Đại từ sở hữu 27
3. Intensive Pronouns
Đại từ nhấn mạnh 41
4. Verbals - Các dạng thức của động từ 49
5. Active and Passive Voice and Verbs
Thể chủ động - bị động & Động từ chủ động - bị động 59
6. Verbs and Mood
Động từ và Thức của động từ 67
7. Defining from Context
Xác định nghĩa dựa vào ngữ cảnh 77
8. Latin And Greek Affixes and Roots
Các phụ tố và gốc từ Latin và Hy Lạp 85
9. Reference Materials
Tài liệu tham khảo 95

UNIT 2: LANGUAGE - NGÔN NGỮ

- 10. Figurative Language
Ngôn ngữ tu từ 106
- 11. Word Relationships
Quan hệ giữa các từ 117
- 12. Nuances in word Meanings
Sắc thái ý nghĩa của từ 129



UNIT 3: READING FICTION - ĐỌC TÁC PHẨM HƯ CẦU

- 13. Types Of Fiction
Các thể loại tác phẩm hư cấu 140
- 14. Objective Summary
Tóm tắt khách quan 155
- 15. Textual Analysis and Evidence
Phân tích văn bản và bằng chứng 165
- 16. Authorship and Narration
Tác giả và Chuyện kể 177
- 17. Setting - Bối cảnh 185
- 18. Character - Nhân vật 197
- 19. Plot - Cốt truyện 219
- 20. Theme - Chủ đề 235
- 21. Tone - Giọng điệu 251
- 22. Poetry - Thơ 265



UNIT 4: READING NONFICTION - ĐỌC TÁC PHẨM PHI HƯ CẦU

- 23. Types of Nonfiction
Các thể loại tác phẩm phi hư cầu 292
- 24. Textual Analysis and Evidence
Phân tích văn bản & Bằng chứng 303
- 25. Authorship - Tác giả 325
- 26. Central ideas and Arguments
Ý chính và Lập luận 345
- 27. Structure - Cấu trúc 363



UNIT 5: WRITING - VIẾT

- 28. Researching for Writing
Nghiên cứu để viết 390
- 29. Writing Practices
Thực hành viết 412
- 30. Writing Arguments
Viết văn nghị luận 442
- 31. Expository Writing: Informative
and Explanatory Texts
Văn diễn giải: Các văn bản thông tin
và giải thích 464
- 32. Writing Narratives
Viết văn trần thuật 479



Bạn đọc Việt Nam thân mến,

Môn Language Arts đối với các bạn học sinh ở Mỹ cũng giống như môn Ngữ văn của chúng ta vậy. Đây là môn học dạy về các kỹ năng ngôn ngữ quan trọng như ngữ pháp, văn phạm, đọc, viết,...

Cuốn sách bạn đang cầm trong tay được thiết kế theo cách mô phỏng lại cuốn vở ghi chép môn Language Arts của một bạn học sinh Mỹ thuộc diện "con nhà người ta" (đương nhiên, bộ não đằng sau nó chính là những chuyên gia giáo dục hàng đầu và những giáo viên kỳ cựu).

Với mong muốn hỗ trợ tối đa các bạn trong việc hiểu, nắm vững và áp dụng những kiến thức của môn học này vào quá trình học tập trên lớp cũng như sử dụng tiếng Anh sau này, trong quá trình chuyển ngữ cuốn sách, chúng tôi chủ ý giữ lại những khái niệm tiếng Anh gốc cũng như giữ nguyên các câu văn, đoạn văn được dùng làm ví dụ minh họa cho từng phần nội dung. Hy vọng rằng, điều này sẽ giúp các bạn có được những trải nghiệm học tập nhẹ nhàng, thú vị mà vẫn không kém phần hiệu quả.

Chúng tôi rất mong nhận được những nhận xét, đóng góp của các bạn cho cuốn sách này để có thể hoàn thiện nó tốt hơn trong những lần tái bản sau.

Xin chân thành cảm ơn!

BAN BIÊN TẬP GAMMA



NGỮ PHÁP (GRAMMAR) là cấu trúc của ngôn ngữ - không phải ý nghĩa của các từ mà là cách các từ kết hợp với nhau: cách sắp xếp của các từ trong một câu văn cùng những quy tắc về việc sử dụng từ ngữ. Hãy nghĩ về ngữ pháp như thể bạn là một kiến trúc sư - bạn cần có nền móng và hệ thống xà dầm phù hợp để dựng lên một tòa nhà. Một khi có cấu trúc câu tốt, bạn có thể xây được mọi thứ!

Chapter 1

PHRASES and CLAUSES

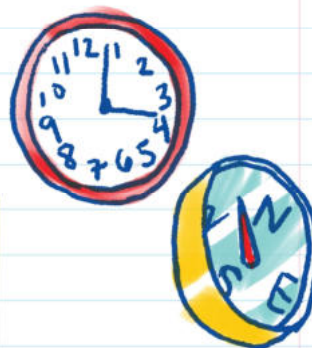
CỤM TỪ & MỆNH ĐỀ

PHRASES (CỤM TỪ)

Cụm từ là một nhóm từ đóng vai trò như một thành phần trong câu. Cụm từ có thể đóng vai trò làm bất cứ từ loại nào trong câu, như danh từ, tính từ, trạng từ hay **GIỚI TỪ (PREPOSITION)**. Một cụm từ không bao giờ đầy đủ cả chủ ngữ kết hợp với động từ.

PREPOSITION (GIỚI TỪ)

là một từ hoặc một nhóm từ chỉ phương hướng, địa điểm, thời gian, hoặc giới thiệu một sự vật



VÍ DỤ:

NHÓM TỪ ĐÓNG VAI TRÒ LÀ DANH TỪ

Martinique's favorite sweater was hanging from the line.



Saskia found the sunset to be heart-stoppingly beautiful.

NHÓM TỪ ĐÓNG VAI TRÒ LÀ TÍNH TỪ

NHÓM TỪ ĐÓNG VAI TRÒ LÀ TRẠNG TỪ

Before class, I crammed for the test.

Percy took his pet lizard into the house.

NHÓM TỪ ĐÓNG VAI TRÒ LÀ GIỚI TỪ



TYPES OF PHRASES (CÁC LOẠI CỤM TỪ)

Một cụm từ có thể đóng vai trò làm bất kỳ từ loại (part of the speech) nào trong câu, ví dụ:

NOUN (DANH TỪ)

VERB (ĐỘNG TỪ)

ADVERB (TRẠNG TỪ)

ADJECTIVE (TÍNH TỪ)

Noun Phrases (Cụm danh từ)

CỤM DANH TỪ là một cụm từ đóng vai trò như một danh từ.

NOUN (DANH TỪ)

là những từ chỉ người, nơi chốn hoặc sự vật, hiện tượng

VÍ DỤ:

The royal chef baked approximately 24 pies.

KẾT HỢP VỚI NHAU NHƯ LÀ MỘT DANH TỪ



Verb Phrases (Cụm động từ)

CỤM ĐỘNG TỪ là một cụm từ đóng vai trò như một động từ.

VERB (ĐỘNG TỪ)

là từ miêu tả một hành động, trạng thái hoặc sự kiện

VÍ DỤ:

These strange rocks may be worth a fortune.

KẾT HỢP VỚI NHAU NHƯ LÀ
MỘT ĐỘNG TỪ



Adverb Phrases (Cụm trạng từ)

CỤM TRẠNG TỪ là một cụm từ đóng vai trò như một trạng từ.

ADVERB (TRẠNG TỪ)

là từ bổ sung ý nghĩa hoặc miêu tả đặc tính của động từ, tính từ hoặc một trạng từ khác

VÍ DỤ:

She moved through the library like a spy through an enemy's headquarters.

KẾT HỢP VỚI NHAU NHƯ LÀ MỘT
TRẠNG TỪ

Adjective Phrases (Cụm tính từ)

CỤM TÍNH TỪ là một cụm từ đóng vai trò như một tính từ..

ADJECTIVE (TÍNH TỪ)

là từ bổ sung ý nghĩa hoặc miêu tả đặc tính của một danh từ.

VÍ DỤ:

The crowd was far more excited now than during the first half of the game.

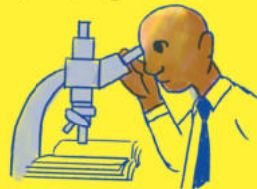
KẾT HỢP VỚI NHAU NHƯ LÀ MỘT TÍNH TỪ

CLAUSES (MỆNH ĐỀ)

MỆNH ĐỀ là một nhóm từ bao gồm ít nhất một chủ ngữ và một động từ. Mệnh đề luôn có một chủ ngữ, chủ ngữ này thực hiện hành động thông qua một động từ.

CÁCH PHÂN BIỆT MỆNH ĐỀ VÀ CỤM TỪ

- * Cụm từ không có một chủ ngữ thực hiện hành động thông qua một động từ.
- * Mệnh đề luôn CÓ một chủ ngữ thực hiện hành động thông qua một động từ.



VÍ DỤ:

PHRASE (CỤM TỪ)

In the nick of time

KHÔNG CÓ ĐỘNG TỪ, VẬY
ĐÂY LÀ MỘT CỤM TỪ

Tripping merrily along

KHÔNG CÓ CHỦ NGỮ, VẬY ĐÂY
LÀ MỘT CỤM TỪ

CLAUSE (MỆNH ĐỀ)

before the summer ended

"MÙA HÈ" THỰC HIỆN ĐIỀU GÌ ĐÓ -
NÓ ĐANG KẾT THÚC - VẬY ĐÂY LÀ
MỘT MỆNH ĐỀ.

Because the wolf hid out
in the forest

MỘT CHỦ NGỮ ĐANG
LÀM VIỆC GÌ ĐÓ - CON CHÓ
SÓI ĐANG TRỐN - VẬY ĐÂY LÀ
MỘT MỆNH ĐỀ.

Có rất nhiều loại mệnh đề! Nhưng chúng được phân loại thành hai nhóm chính nhằm giúp chúng ta học dễ hơn.